

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/DS-ST
Ngày: 16-07-2024
V/v tranh chấp hui; yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Trang Phương;

Ông Lê Quang Đây.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa:
Bà Trương Ngọc Trui - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hui, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024, thông báo đòi ngày xét xử số 320/TB-TA ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông Thái Tiến B, sinh năm 1952 (có mặt).

Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1959 (có mặt).

Bị đơn: Bà Thái Ng Ya, sinh năm 1964 (có mặt).

Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 1985 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B: Bà Huỳnh Mỹ S - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Thái Tiến B, bà Huỳnh Thị L trình bày yêu cầu:

Năm 2016, bà Thái Ng Ya có nợ tiền hội do bà Huỳnh Thị L vô hội dùm số tiền là 16.500.000 đồng, sau đó bà Ya nhờ bà L vô 01 chân hội 500.000 đồng (62 chân) và 01 chân hội 300.000 đồng, tổng số tiền là 18.200.000 đồng, nhưng bà Ya không đóng hội, ông Thái Tiến B đã đóng thay cho bà Ya số tiền là 8.600.000 đồng; chốt nợ bà Ya nợ tổng cộng 43.300.000 đồng.

Sau đó có nhờ vô hội 500.000 đồng của bà An phụ nữ ấp, mượn hội trả được 23.000.000 đồng (45 chân nhưng tính nhằm là 46 chân), hiện tại còn nợ 20.300.000 đồng. Nay yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Ng Ya và anh Nguyễn Quốc D liên đới trả số nợ là 20.300.000 đồng.

Bà Ya không có cầm tiền mặt trả cho vợ chồng ông lần nào, chỉ có vô hội hốt rồi trừ ngang qua. Khi vô hội thì ông bà trực tiếp giao dịch với người mở hội, bà Ya và anh D không giáp mặt với chủ hội.

Khoảng tiền còn nợ, ông B có kêu anh D vô thêm 01 chân hội tổ phụ nữ để trả, nhưng anh D nói là chừng nào ông Đất (con ông B) trả cho anh D thì anh D mới trả.

Lý do yêu cầu anh D cùng có trách nhiệm trả nợ là khi hòa giải ở ấp vợ chồng anh D có đứng ra lãnh trả nợ, lúc đó có mặt chính quyền địa phương, còn ký bảo lãnh trả nợ bằng bản giấy thì không có.

Về lãi suất không yêu cầu.

Bị đơn bà Thái Ng Ya trình bày:

Bà Ya xác nhận là có nhờ vô hội và nợ tiền đúng như trình bày của vợ chồng ông B, số tiền nợ 43.300.000 đồng. Sau đó không tiền trả nên có nói cho bà đi làm về trả dần. Đến cuối năm 2018 đầu năm 2019 trả được 10 triệu đồng, cuối năm 2019 đầu năm 2020 có trả thêm 10 triệu đồng, còn nợ 23.300.000 đồng. Ngày 21/4/2020 ông B có tham gia hội bà Trương Diệu An tổ phụ nữ đứng ra tổ chức, có 45 phần, bà Ya và anh D đem tiền đưa cho ông B để đóng cho người ta, mượn hội được số tiền 22.500.000 đồng và bù thêm 800.000 đồng trả cho ông B, hội này mượn ngày 21/5/2022. Thỏa thuận vô hội dùm chủ hội không biết, đôi bên thỏa thuận miệng, 02 lần trả tiền vào cuối năm cũng chỉ có 02 bên với nhau người ngoài không ai biết.

Nếu bên tôi không trả 02 lần tiền thì liệu bà L có để yên cho gia đình tôi hay không. Nay bà Ya yêu cầu phía ông B cung cấp giấy tờ con bà nhận trả nợ thay, vì bà chỉ nhờ đóng tiền hội dùm chứ không có kêu bảo lãnh nợ như ông B trình bày; không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, vì đã trả hết nợ.

Đồng bị đơn anh Nguyễn Quốc D trình bày:

Năm 2020, dịch bệnh xảy ra mẹ tôi không đi làm được nên có thỏa thuận với ông B là tham gia hội do tổ phụ nữ ấp tổ chức và mẹ tôi đưa tiền đóng, còn sau này tôi đóng dùm mẹ.

Nợ này là của mẹ tôi, không liên quan đến tôi, còn đóng hụi tổ phụ nữa là mẹ tôi kêu đưa cho ông B để ông đóng chứ giữa mẹ tôi và tổ phụ nữ không giáp mặt với nhau.

Nay tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông B, vì tôi không thiếu nợ, nếu nói lãnh nợ thì giấy lãnh nợ đâu yêu cầu cung cấp.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông B và người bảo vệ quyền lợi cho ông B trình bày: yêu cầu bà Ya thanh toán tiền nợ cho vợ chồng ông B 20.300.000 đồng; rút yêu cầu buộc anh D có trách nhiệm liên đới trả nợ với bà Ya. Căn cứ yêu cầu là bà Ya thừa nhận có nợ 43.300.000 đồng, bà Ya không chứng minh có trả 20 triệu đồng và Tòa án xác minh địa phương anh D cũng thừa nhận và nói khi nào ông Đăt trả tiền thì anh D trả, bà Ya có nợ anh D mới trình bày như vậy.

Đồng nguyên đơn, bà L trình bày: Rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh D liên đới với bà Ya thanh toán nợ; yêu cầu bà Ya có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng bà 20.300.000 đồng.

Bị đơn bà Ya trình bày: Khoảng tiền nợ 43.300.000 đồng, có trả 02 lần mỗi lần 10.000.000 đồng, còn lại 23.300.000 đồng nhờ vợ chồng bà L vô hụi mãn hụi 22.500.000 đồng, đưa tiền mặt 800.000 đồng xem như không còn nợ nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Đồng bị đơn anh D trình bày: Không có ý kiến đối với rút đơn của vợ chồng ông B liên quan đến anh.

Ý kiến kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm nên không có ý kiến.

Về nội dung: Đề nghị buộc bà Ya thanh toán cho vợ chồng ông B 20.300.000 đồng, án phí bà Ya được miễn vì là người cao tuổi; đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu anh D cùng có trách nhiệm với bà Ya.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Ông B cho rằng vợ chồng anh D có hứa lãnh trả nợ thay bà Ya khi hòa giải ở ấp, qua xác minh vợ anh D chưa một lần đến tổ hòa giải nên không có việc hứa lãnh trả nợ, do việc giải quyết vụ án không liên quan đến vợ anh D, Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

Ông B và bà Ya cho rằng vô hụi của bà Trương Diệu An, tổ trưởng tổ phụ nữ ấp nhưng khi giao dịch ông B trực tiếp giao dịch với bà An; bà Ya không

giáp mặt nên việc giải quyết vụ án không liên quan đến bà An, Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Vợ chồng ông Thái Tiến B, bà Huỳnh Thị L khởi kiện bà Thái Ng Ya yêu cầu thanh toán tiền nợ hụi, đồng thời yêu cầu anh Nguyễn Quốc D con trai bà Ya cùng có trách nhiệm thanh toán vì cho rằng anh D bảo lãnh trả nợ, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp tiền hụi; yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh”.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn

[1.2] Về đòi tiền nợ hụi: Ông B và bà L xác nhận tổng khoản nợ của bà Ya là 43.300.000 đồng, bà Ya có nhờ vô hụi dùm, khi mãn hụi đã cắt trừ được 23.000.000 đồng, còn nợ 20.300.000 đồng yêu cầu thanh toán tiếp. Phía bà Ya thừa nhận có nợ số tiền 43.300.000 đồng, nhưng đã thanh toán vào cuối năm 2018 là 10.000.000 đồng, cuối năm 2019 thanh toán 10.000.000 đồng, số tiền còn nợ nhờ vô hụi phụ nữ ở ấp mãn hụi vào năm 2022 được 22.500.000 đồng, bà bù thêm 800.000 đồng là đủ 23.300.000 đồng để trả cho vợ chồng ông B, khi trả 02 lần tiền thì chỉ có hai bên giáp mặt không có ai chứng kiến, nay không đồng ý yêu cầu khởi kiện nguyên đơn vì đã thanh toán đủ.

Thấy rằng, vợ chồng ông B với bà Ya đã chốt lại khoản tiền nợ là 43.300.000 đồng được hai bên thừa nhận, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

P phía bà Ya cho rằng có trả 02 lần tiền là 20.000.000 đồng, nhưng bà không chứng minh được là đã có trả 20.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Do đương sự không chứng minh được nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà Ya.

Do đó, số tiền nợ cắt trừ số tiền hụi mãn 23.000.000 đồng số còn lại 20.300.000 đồng buộc bà Ya tiếp tục thanh toán cho vợ chồng ông B là phù hợp.

[2.2] Xét yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh: Vợ chồng ông B yêu cầu buộc anh D liên đới với bà Ya trả nợ, vì anh D đứng ra lãnh trả nợ thay bà Ya lúc đó có mặt Ban hòa giải ấp; phía anh D không thừa nhận có việc bảo lãnh trả nợ thay mẹ là bà Ya, anh D có đưa tiền cho ông B để đóng hụi dùm bà Ya, nên không đồng ý có trách nhiệm liên đới trả tiền cho vợ chồng ông B.

Tòa án xác minh tổ hòa giải thì không thể hiện có việc anh D nhận bảo lãnh trả nợ thay bà Ya (bút lục số 49 đến 52). Phía nguyên đơn cũng không có văn bản chứng minh anh D bảo lãnh trả nợ thay cho bà Ya theo Điều 335 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi cho

ông Bộ rút phần yêu cầu khởi kiện đối với anh D, không buộc anh D có trách nhiệm liên đới cùng bà Ya thanh toán cho nguyên đơn, anh D không có ý kiến. Thấy rằng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông B, bà L. Buộc bà Ya có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ 20.300.000 đồng cho vợ chồng ông B, bà L. Bà Ya chậm trả tiền còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án trên tổng số tiền phải thi hành.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông B cho rằng căn cứ xác định bà Ya còn nợ là do bà Ya không chứng minh có trả được 20 triệu đồng và lời trình bày của anh D tại áp. Lời trình bày của người bảo vệ cho ông B không có cơ sở chấp nhận một phần; như đã phân tích trên, việc xác định bà Ya còn nợ là căn cứ vào việc bà Ya không chứng minh được có trả 02 lần tiền cho bà L.

Về án phí: Bà Ya phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 1.015.000 đồng, bà Ya là người cao tuổi có yêu cầu được miễn án phí nếu bà thuộc trường hợp phải chịu án phí, do đó miễn toàn bộ án phí có giá ngạch cho bà Ya.

Nguyên đơn là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét.

Ý kiến của kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Tiến B và bà Huỳnh Thị L, về việc khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Quốc D liên đới thanh toán nợ với bà Thái Ng Ya.

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, biêu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Tiến B, bà Huỳnh Thị L, về việc khởi kiện bà Thái Ng Ya yêu cầu thanh toán tiền hui.

Buộc bà Thái Ng Ya thanh toán tiền hụi còn nợ cho ông Thái Tiến B, bà Huỳnh Thị L 20.300.000 đồng (Hai mươi triệu ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp bà Ya, chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bà Ya còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Ya

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính